TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH BÌNH ĐỊNH** Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST Ngày: 29/9/2023 "V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mai Đào.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Doãn

2. Bà Đinh Thị Thươn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tín, Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Bạch Nam Chu Lai – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 14/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2023, về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị Hoa D, sinh năm: 1981, địa chỉ: 154/5 Q, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Định – Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh N, sinh năm: 1982, địa chỉ: Khu phố Đ, thị trấn V, huyện V, tỉnh Bình Định – Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19/12/2022, được bổ sung bằng lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Đặng Thị Hoa D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Minh N đăng ký kết hôn vào ngày 15/7/2019 tại UBND thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Định. Ban đầu vợ chồng chung sống tại Khu phố Đ, thị trấn V, huyện V, tỉnh Bình Định. Đến cuối năm 2019, vợ chồng chung sống tại M, tỉnh Gia Lai để thuận lợi trong việc kinh doanh bán xăng dầu tại đây. Thời gian đầu cũng có mâu thuẫn xảy ra nhưng vợ chồng tự giải quyết được. Đến năm 2020, bà cho rằng chồng bà ngoại tình với

người phụ nữ khác (vốn là người mà ông N thuê bán xăng dầu), bà và gia đình chồng khuyên giải, can ngăn nhưng ông N và người phụ nữ đó không nghe. Bà cố gắng níu kéo hạnh phúc nhưng không được, nên bà dẫn con gái rời khỏi huyện M, tỉnh Gia Lai, hai mẹ con về ở nhà cha mẹ của bà tại huyện T, tỉnh Bình Định, được một thời gian ngắn, sau bà dẫn con gái cùng vào Thành phố Hồ Chí Minh để bà làm việc. Vợ chồng bà sống ly thân từ tháng 5/2021 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông N.

Về con chung: Bà và ông N có 01 con chung, là cháu Nguyễn Đặng Gia L (sinh ngày: 13/3/2019), hiện cháu L đang sống với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu L, bà yêu cầu ông N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu L mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Về ý kiến giải quyết vụ án, căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà D, cho bà D được ly hôn ông N.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà D, giao cháu L cho bà D nuôi; Ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu L hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), tính từ tháng 10/2023 đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Bà D khởi kiện yêu cầu: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* với ông N; Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bình Định thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[1.2]. Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông N tiếp tục vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông N.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy bà D và ông N tự nguyện tìm hiểu, chung sống, có đăng ký kết hôn vào ngày 15/7/2019 tại UBND thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Định, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Từ năm 2020, xảy ra mâu thuẫn tình cảm trong cuộc sống vợ chồng, tính tình đôi bên không phù hợp, cả hai không tìm được tiếng nói chung. Bà D có cố gắng níu kéo hạnh phúc nhưng ông N không đồng ý, dẫn đến vợ chồng sống ly thân kéo dài từ tháng 5/2021 cho đến nay.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Tòa án liên hệ, thông báo, triệu tập, hòa giải để các bên đương sự có điều kiện đoàn tụ với nhau, ông N biết nhưng không thiện chí, không hợp tác. Như vậy, có cơ sở chứng minh hôn nhân của bà D và ông N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D.

[2.2]. Về con chung: Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà D, giao cháu L cho bà D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng; Ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu L mỗi tháng 2.000.000 đồng, hình thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10/2023 đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Đồng thời đảm bảo theo luật định về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ sau khi ly hôn đối với con chung, là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà D không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4]. Xét: Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; Các Điều 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Các Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Hoa D đối với bị đơn ông Nguyễn Minh N, cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Hoa D được ly hôn ông Nguyễn Minh N.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đặng Gia L (sinh ngày: 13/3/2019) cho bà D được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Minh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu L mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng); Hình thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng; Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10/2023 đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đặng Thị Hoa D không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Đặng Thị Hoa D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) sung quỹ Nhà nước, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà bà D đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006586 ngày 12/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bình Định.

- Về án phí dân sự sơ thẩm (Án phí cấp dưỡng): Ông Nguyễn Minh N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) sung quỹ Nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Đặng Thị Hoa D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ông Nguyễn Minh N không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày ông N nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4.2. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn; (UBND TT PP, TS, Bình Định).
- P.KTNV và THA - TAND tỉnh Bình Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Mai Đào

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đinh Doãn	**Đinh Thị Thươn**	**Đinh Thị Mai Đào**